

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày: 28-5-2021.

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2020/TLST-DS ngày 28/12/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐST-DS ngày 12/4/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thành B, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 389, ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 355A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020); (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 406, ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/3/2021, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/4/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Ông Lê Thành B với ông Nguyễn Văn A1 là người cùng xóm. Cho nên, ông A1 nhờ ông B cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B để vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh S - Phòng giao dịch L số tiền 100.000.000 đồng và cho ông A1 vay lại và ông A1 sẽ trả lãi cho Ngân hàng. Vào ngày 27/6/2018, ông B ký hợp đồng vay và thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh S - Phòng giao dịch L số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, giải ngân ngày 27/6/2018, ngày đáo hạn là ngày 25/5/2019, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với gian chậm trả; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Sau khi ông B nhận tiền giải ngân của Ngân hàng thì ông B mang tiền giao đủ cho ông A1 số tiền 100.000.000 đồng. Đến đầu giờ chiều ngày 27/6/2018, ông B cùng với ông A1 đến nhà ông Lê Văn T nhờ ông T viết Tờ mượn quyền sử dụng đất và Biên nhận số tiền 100.000.000 đồng và ông A1 ký tên xác nhận vào Tờ mượn quyền sử dụng đất và Biên nhận. Tuy nhiên, từ lúc ông A1 vay tiền của ông B đều không trả lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận và đến nay ông A1 vẫn chưa trả cho ông B được khoản tiền nợ gốc nào.

Vào ngày 15/5/2018 AL, ông B có cho ông A1 vay số tiền 40.775.000 đồng, không có lãi suất (tức ông B cho ông A1 mượn tiền), thời hạn vay các bên thỏa thuận bằng lời nói là trong thời hạn 03 tháng hoặc khi nào ông B cần thì sẽ thông báo trước cho ông A1 để nhận lại. Sau khi ông A1 viết biên nhận và ký tên xác nhận vào biên nhận xong, thì ông B đã giao đủ số tiền 40.775.000 đồng cho ông A1 tại nhà ông B. Nguyên nhân ông B cho ông A1 vay số tiền lẻ là do ông A1 nói nợ tiền lãi của người khác số tiền 40.775.000 đồng, nên mượn thêm số tiền 40.775.000 đồng. Theo Biên nhận đề ngày 15/5/2018 AL thể hiện số tiền “40.7750.000đ” là do ông A1 viết dư 01 con số 0. Ông B khẳng định số tiền 40.775.000 đồng không phải là tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng. Từ lúc ông A1 vay tiền của ông B đến nay, ông A1 vẫn chưa trả cho ông B được khoản tiền nợ gốc nào.

Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu ông A1 có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay nợ gốc tổng cộng là 140.775.000 đồng. Ngoài ra, ông B không có yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ mà ông B chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là chỉ có Tờ mượn quyền sử dụng đất ngày 27/6/2018; Biên nhận ngày 27/6/2018 và Biên nhận đề ngày 15/5/2018 AL.

- *Đối với bị đơn Nguyễn Văn A1:* Bị đơn Nguyễn Văn A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, đồng thời các bị đơn cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố

tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn ông Lê Thành B. Buộc ông Nguyễn Văn A1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành B số tiền 140.775.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Lê Thành B khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn A1 trả số tiền vay nợ gốc tổng cộng là 140.775.000 đồng. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đ. Cho nên, Tòa án nhân dân huyện Lập Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Nguyễn Văn A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ, đó là: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*. Theo đó, nguyên đơn Lê Thành B khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn A1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc nợ vay tổng cộng là 140.775.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp bản chính Tờ mượn quyền sử dụng đất và Biên nhận cùng đề ngày 27/6/2018 thể hiện ông A1 có vay ông B số tiền vay 100.000.000 đồng và bản chính Biên nhận đề ngày 15/5/2018 AL thể hiện nội dung ông A1 có vay của ông B số tiền 40.775.000 đồng. Như vậy, bản chính Tờ mượn quyền sử dụng đất, Biên nhận cùng đề ngày 27/6/2018 và Biên nhận đề ngày 15/5/2018 AL đều

là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Và tại khoản 4 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Theo đó, bị đơn Nguyễn Văn A1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng từ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đến Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kèm bản sao Tờ mừng quyền sử dụng đất, Biên nhận cùng đề ngày 27/6/2018 và Biên nhận đề ngày 15/5/2018 AL mà nguyên đơn Lê Thành B giao nộp cho Tòa án, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thế nhưng, bị đơn Nguyễn Văn A1 vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn Nguyễn Văn A1 đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, việc nguyên đơn Lê Thành B khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn A1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ tổng cộng là 140.775.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thành B được chấp nhận toàn bộ và bị đơn Nguyễn Văn A1 không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn Nguyễn Văn A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn A có mặt tại phiên tòa, nên nguyên đơn Lê Thành B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Nguyễn Văn A1 vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 70, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 và khoản 3 Điều 92, khoản 3 Điều 94, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành B.

Buộc ông Nguyễn Văn A1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành B số tiền vay nợ gốc tổng cộng là 140.775.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A1 phải chịu 7.038.750 đồng (Bảy triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thành B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Văn A1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân